TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 375/2019/DS-PT
Ngày 24-10-2019
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21-24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 372/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 356/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 201/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 390/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Văn T, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Số 100, ấp Ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Phạm Văn S, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Số 99, ấp Ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Phạm Tuyết A, sinh năm 1955;

2/ Phạm Văn H, sinh năm 1975;

3/ Phạm Văn D, sinh năm 1977;

4/ Phạm Quốc T1, sinh năm 1984;

5/ Phạm Tuyết L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 100, ấp Ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A, anh H, anh D, anh T1, chị L là ông Phạm Văn T, sinh năm 1946. Địa chỉ: Số 100, ấp Ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2019).

6/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953;

7/ Bà Phạm Thị P, sinh năm 1974;

8/ Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1976;

9/ Bà Phạm Thị Hồng E, sinh năm 1984;

10/ Bà Phạm Thị Thu S1, sinh năm 1986;

11/ Ông Phạm Hồng T2, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Ấp Ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Phạm Văn T là nguyên đơn.

Ông T, ông S, anh T2 có mặt; Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T trình bày:

Nguồn gốc đất của cha mẹ ông T để lại cho ông T diện tích 2.018m^2, thuộc thửa 269, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp Ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp. Trên diện tích đất có một con mương thuộc thửa 269, tờ bản đồ số 8, làm đường nước tưới lên đất ruộng để canh tác từ năm 1977 cho đến nay. Hiện nay ông T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất và con mương.

Cha ông T là ông Phạm Văn K (chết năm 1984), mẹ ông là bà Nguyễn Thị N1 (chết năm 1999). Ông K và bà N1 có tổng cộng 06 người con. Gồm: Phạm Thị H2 (chết năm 1987), Phạm Văn T3, Phạm Văn R, Phạm Văn T, Phạm Thị U, Phạm Thị M. Con của bà Hằng gồm 04 người là: Nguyễn Thị N2, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị L1.

Tất cả hàng thừa kế của ông K, bà N1 đều thống nhất để phần đất thửa 269, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp Ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp cho ông T được thừa hưởng và quản lý, sử dụng không có yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất trên.

Do ông T có nhu cầu sử dụng đất mương nên lấp một phần mương và trồng cây. Ông S là người có đất liền kề ngăn cản không cho ông T tiếp tục sử dụng phần đất mương còn lại chưa san lấp nên dẫn đến tranh chấp. Sự việc được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không S.

Nay ông Phạm Văn T yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông Phạm Văn T với hộ ông Phạm Văn S là đường thẳng nối từ mốc M5 đến mốc M25 theo như sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2018 và ngày 26/6/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp. Buộc ông Phạm Văn S trả cho ông T diện tích đất lấn chiếm là 60m^2, thửa 269, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại ấp Ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T thống nhất giá mà Hội đồng định giá đã định, không có tranh chấp đối với cây trồng, vật kiến trúc và tài sản có trên đất. Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất đến đâu thì cây trồng và tài sản trên đất sẽ thuộc về người đó.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn: Ông Phạm Văn S trình bày:

Ông S hiện nay đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số 248, TBĐ số 8, tọa lạc tại tổ 4, ấp Ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp. Đất được cấp cho hộ ông Phạm Văn S, tại thời điểm cấp đất gồm ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953; Phạm Thị P, sinh năm 1974; Phạm Thị H1, sinh năm 1976 ; Phạm Thị Hồng E, sinh năm 1984; Phạm Thị Thu S1, sinh năm 1986; Phạm Hồng T2, sinh năm 1991.

Đối với yêu cầu của ông Phạm Văn T ông không đồng ý.

Vị trí từ mốc 5 đến mốc 25 theo như ông T xác định so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông được cấp thiếu 15 m^2 (ông T xác định 530 m^2, Giấy được cấp 545 m^2). Bên cạnh đó, ông nhận chuyển nhượng đất từ bà Nguyễn Thị Y và ông Vương Văn Q (Địa chỉ : Tổ 4, ấp Ấp B, xã C, huyện X) là hết phần đất của họ đang sử dụng, bao gồm con mương đang tranh chấp.

Tại thời điểm đo đạc ông S xác định ranh đất giữa ông S và ông T là một đường thẳng kéo dài từ mốc 7 đến mốc 26 theo như sơ đồ đo đạc. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải, ông S thay đổi ý kiến, cho rằng ranh đất của ông và ông T là vị trí hàng Gáo hiện trạng được thể hiện từ mốc 6, mốc E, mốc D, mốc C, mốc B, mốc

A theo sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2018 và ngày 26/6/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp.

Ông S thống nhất về giá mà Hội đồng định giá đã định.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ông yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Hồng T2 trình bày:

Anh T2 thống nhất lời trình của ông Phạm Văn S. Anh T2 xác định ranh đất giữa hộ ông S và ông T là vị trí hàng Gáo hiện trạng được thể hiện từ mốc 6, mốc E, mốc D, mốc C, mốc B, mốc A theo sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2018 và ngày 26/6/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị Hồng E, bà Phạm Thị Thu S1: Vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 11-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện X tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phạm Văn T.

Ranh giới quyền sử dụng đất thuộc thửa số 269, tờ bản đồ số 8 do ông Phạm Văn T đang quản lý sử dụng với phần đất thuộc thửa 248 tờ bản đồ số 08 do ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị N, Phạm Thị P, Phạm Thị H1, Phạm Thị Hồng E, Phạm Thị Thu S1, Phạm Hồng T2 đang quản lý sử dụng cùng tọa lạc tại ấp Ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp được xác định là mí ngoài của hàng gáo phía đất của ông Phạm Văn S, theo các mốc như sau:

Mốc 6 đến mốc E dài 01m;

Mốc E đến mốc D dài 2.27m;

Mốc D đến mốc C dài 1.51m;

Mốc C đến mốc B dài 3.60m;

Mốc B đến mốc A dài 4.13m;

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2018 và ngày 26/6/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp).

Ranh giới quyền sử dụng đất trên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Nếu cây trồng, vật kiến trúc, tài sản của bên này lấn qua phần đất của bên kia thì phải tháo dở, di dời, đốn bỏ theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị N, Phạm Thị P, Phạm Thị H1, Phạm Thị Hồng E, Phạm Thị Thu S1, Phạm Hồng T2 có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Về án phí:

Ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp.

Về chi phí tố tụng khác:

Ông Phạm Văn T phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá số tiền là 4.293.153 đồng (Bốn triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi ba đồng), (Ông T đã nộp xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 7 năm 2019 ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ dân sự thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ ông T với đất của hộ ông S là đường thẳng nối từ mốc M5 đến mốc M25.

Nguồn gốc phần đất ông Phạm Văn T đang quản lý sử dụng là của cha, mẹ của ông T cụ Phạm Văn K (chết năm 1984), mẹ là cụ Nguyễn Thị N1 (chết 1999) nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn Văn O vào năm 1977, sau khi cụ Kha và cụ Nhâm chết để lại cho con là ông Phạm Văn T quản lý sử dụng, đến nay ông T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các anh, chị em của ông T không có tranh chấp thừa kế, xin không tham gia tố tụng.

Nguồn gốc đất của ông Phạm Văn S là do ông S nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Y và ông Vương Văn Q vào ngày 21/6/1980. Ông S quản lý sử dụng đến ngày 06-7-2005 hộ ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tiếp giáp giữa đất của ông T thửa 269 với đất của ông S thửa 248 có 01 con mương. Theo ông T con mương do cha, mẹ của ông T đào trước năm 1975 để dẫn nước vào ruộng phía sau. Trong quá trình sử dụng ông T san lấp một phần con mương và trồng một hàng gáo, nhưng ông S không có ý kiến gì.

Về phía ông S cho rằng khi chuyển nhượng đất của bà Y và ông Q thì chuyển nhượng luôn cả con mương (hầm lạng) phía sau tiếp giáp với đất của ông T. Tuy nhiên, ông S xác định khi nhận chuyển nhượng của bà Y và ông Q không có đo đạc thực tế.

Xét thấy, về hiện trạng phần đất tranh chấp là 01 con mương, một phần con mương do phía ông T san lấp ông T có trồng hàng gáo thể hiện tại các mốc A-B-C-D-E, phần con mương còn lại bị bồi đắp (mương lạng) ông S có trồng 02 bụi chuối. Khi ông T trồng gáo, ông S trồng chuối các bên cũng không có tranh chấp hoặc ý kiến gì.

Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 14-6-2019 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Tháp, thì phần đất của ông S chiều dài phía giáp đất ông To (thửa 247) từ lộ nhựa nông thôn đến phía sau giáp phần đất của ông T thửa 269 là 47,9m và chiều dài phía giáp đất ông T (thửa 249) từ lộ nhựa nông thôn đến phía sau giáp phần đất của ông T thửa 269 là 45,49m, nhưng theo sơ đồ mốc ngày 26-6-2019 của Trung tâm Kỹ thuật, Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp, thì phần đất của ông S, chiều dài phía giáp đất ông To (thửa 247) từ lộ nhựa nông thôn đến phía sau giáp phần đất của ông T thửa 269 (từ mốc M1 đến mốc M 6) là

48,92m, thừa 1,02m và chiều dài phía giáp đất ông T (thửa 249) từ lộ nhựa nông thôn đến phía sau giáp phần đất của ông T thửa 269 (từ mốc M23 đến mốc A) là 44,7m, thiếu 0,79m so với trích lục bản đồ địa chính ngày 14-6-2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông S thống nhất chiều dài đất của ông S theo trích lục bản đồ ngày 14-6-2019. Do vậy, chiều dài đất của ông S phía giáp đất của ông V từ mốc M1 đến mốc M6 thừa 1,02m, nên việc xác định ranh đất giữa đất của ông T với đất của ông S là từ mốc M6 đo hướng về mốc M5 một đoạn là 1,02m xác định mốc F. Về chiều dài đất của ông S phía giáp đất của ông T từ mốc M23 đến mốc A thiếu 0,79m, nhưng ông S thống nhất xác định ranh đất của ông S với đất của ông T tại mốc A. Ông T cũng không có chứng cứ chứng minh ranh đất giữa đất ông T với đất của ông S là tại vị trí mốc M25, nên án sơ thẩm xử xác định ranh chiều dài đất của ông S phía giáp đất ông T tại vị trí mốc A là có căn cứ.

Như vậy, ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông T với đất của ông S được xác định là đường thẳng nối từ mốc A đến mốc F là phù hợp.

Ông Phạm Văn T phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ, khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông T thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Văn T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 11-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện X.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Phạm Văn T thửa số 269, tờ bản đồ số 8 với đất của ông Phạm Văn S thửa 248 tờ bản đồ số 08 là đường thẳng nối từ mốc A đến mốc F cụ thể như sau:

Mốc A : Từ mốc M25 (trụ đá có sẵn) đo một đoạn thẳng hướng về mốc M26 là 1,08m xác định mốc A.

Mốc F: Từ mốc M6 đo một đoạn thẳng cặp ranh đất giữa đất của ông S với đất của ông V hướng về mốc M5 là 1,02m xác định mốc F, (mốc F cách mốc M5 là 3,07m).

Nối mốc A đến mốc F thành đường thẳng là ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ ông Phạm Văn T với hộ ông Phạm Văn S.

Ranh giới quyền sử dụng đất trên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Các bên có nghĩa vụ tôn trọng ranh đất đã được xác định, tài sản của các bên lấn chiếm ranh đất phải tháo dở, di dời, đốn bỏ theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị N, Phạm Thị P, Phạm Thị H2, Phạm Thị Hồng E, Phạm Thị Thu S1, Phạm Hồng T2 có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 26/6/2019 và ngày 21/10/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp).

Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ông Phạm Văn T.

Về chi phí tố tụng khác:

Ông Phạm Văn T phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá số tiền là 4.293.153 đồng (Bốn triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi ba đồng), ông T đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Cao Lãnh;
- CCTHADS H. Cao Lãnh;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (M).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tặng